

Số: 20/2022/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI VÀ THANH TOÁN, CHUYỂN TIỀN CHO CÁC GIAO DỊCH VĂNG LAI KHÁC CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch văng lai khác của người cư trú là tổ chức, cá nhân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn các hoạt động sau đây:

a) Hoạt động mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là tổ chức cho mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối (sau đây gọi là Nghị định số 70/2014/NĐ-CP);

b) Hoạt động mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là công dân Việt Nam cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP;

c) Hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác quy định tại điểm g khoản 6 Điều 4 Pháp lệnh Ngoại hối (đã được sửa đổi, bổ sung) (sau đây gọi là hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác).

2. Các giao dịch chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài của người cư trú là công dân Việt Nam để được phép có quốc tịch hoặc định cư ở nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là ngân hàng được phép).

2. Tổ chức, cá nhân là người cư trú có hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thân nhân là những người có quan hệ: bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột với người cư trú là công dân Việt Nam xin mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài.

2. Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân là các giấy tờ thể hiện quan hệ thân nhân quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Mua ngoại tệ là việc người cư trú là tổ chức, cá nhân dùng đồng Việt Nam để mua ngoại tệ tại ngân hàng được phép để chuyển hoặc mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Thông tư này.

4. Chuyển ngoại tệ là việc người cư trú là tổ chức, cá nhân chuyển ngoại tệ ra nước ngoài thông qua các ngân hàng được phép.

5. Mang ngoại tệ là việc người cư trú là công dân Việt Nam hoặc cá nhân đại diện cho người cư trú là tổ chức mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài khi xuất cảnh.

Chương II

MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO CÁC MỤC ĐÍCH CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC

Điều 4. Các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền một chiều của tổ chức

1. Các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài để phục vụ mục đích tài trợ, viện trợ của tổ chức:

a) Mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài. Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ;

b) Mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh. Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ;

c) Mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án do tổ chức trong nước và/hoặc tổ chức ở nước ngoài thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục (tài trợ học bổng), y tế. Nguồn tài trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ.

2. Các trường hợp mua, chuyển tiền một chiều ra nước ngoài của tổ chức để phục vụ mục đích khác:

a) Trả thưởng cho người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tham gia các chương trình, cuộc thi được tổ chức tại Việt Nam theo các quy định của pháp luật có liên quan. Nguồn tiền trả thưởng từ người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc người cư trú là tổ chức;

b) Chuyển tiền một chiều ra nước ngoài cho các mục đích dưới đây từ nguồn tài trợ tiếp nhận của người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài:

(i) Phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên ở nước ngoài tham gia thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học ở Việt Nam và nước ngoài;

(ii) Hoàn trả tiền tài trợ thực hiện các dự án ở Việt Nam theo các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài.

Điều 5. Nguồn ngoại tệ chuyển, mang ra nước ngoài

Nguồn ngoại tệ chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này bao gồm:

1. Ngoại tệ trên tài khoản thanh toán.
2. Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ.
3. Ngoại tệ mua của ngân hàng được phép.

Điều 6. Mua ngoại tệ để chuyển, mang ra nước ngoài

1. Tổ chức có nhu cầu mua ngoại tệ để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng được phép.

2. Trường hợp người cư trú là tổ chức mua ngoại tệ của ngân hàng được phép để mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này với mức phải khai báo hải quan, ngân hàng được phép cấp Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài theo quy định về mang ngoại tệ tiền mặt khi xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Trong phạm vi khả năng ngoại tệ hiện có, ngân hàng được phép bán ngoại tệ cho người cư trú là tổ chức để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài từ nguồn ngoại tệ trên tài khoản thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ

1. Tổ chức có nhu cầu sử dụng ngoại tệ trên tài khoản thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng được phép.

2. Trường hợp người cư trú là tổ chức rút ngoại tệ tiền mặt từ tài khoản thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ để mang ra nước ngoài cho mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này với mức phải khai báo hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài

1. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài trong các trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này căn cứ vào số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan.

2. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài trong các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư này căn cứ vào số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan nhưng tối đa không vượt quá 50.000 USD (Năm mươi nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương một lần chuyển tiền.

Chương III

MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO CÁC MỤC ĐÍCH CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

Điều 9. Các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền một chiều của người cư trú là công dân Việt Nam

1. Người cư trú là công dân Việt Nam được mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP.

2. Việc mua, chuyển, mang ngoại tệ do người cư trú là công dân Việt Nam thực hiện hoặc người đại diện hợp pháp của công dân Việt Nam thực hiện hoặc thân nhân của công dân Việt Nam đang học tập, chữa bệnh ở nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Nguồn ngoại tệ chuyển, mang ra nước ngoài

Nguồn ngoại tệ chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 9 Thông tư này bao gồm:

1. Ngoại tệ tự có của cá nhân (ngoại tệ trên tài khoản thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ, tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ, ngoại tệ tự cất giữ).

2. Ngoại tệ mua của ngân hàng được phép.

Điều 11. Mua ngoại tệ để chuyển, mang ra nước ngoài

1. Người cư trú là công dân Việt Nam có nhu cầu mua ngoại tệ để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng được phép.

2. Trường hợp người cư trú là công dân Việt Nam mua ngoại tệ của ngân hàng được phép để mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều với mức phải khai báo hải quan, ngân hàng được phép cấp Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài theo quy định về mang ngoại tệ tiền mặt khi xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Trong phạm vi khả năng ngoại tệ hiện có, ngân hàng được phép bán ngoại tệ cho người cư trú là công dân Việt Nam để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều theo quy định tại Thông tư này.

4. Người cư trú là công dân Việt Nam có nhu cầu ngoại tệ tiền mặt để mang ra nước ngoài cho các mục đích học tập, chữa bệnh, công tác, du lịch, thăm viếng được mua loại ngoại tệ là đồng tiền của nước nơi công dân Việt Nam đến tại ngân hàng được phép. Trường hợp không có đồng tiền của nước nơi công dân Việt Nam đến, ngân hàng được phép thực hiện bán ngoại tệ tự do chuyển đổi khác.

Điều 12. Chuyển, mang ngoại tệ từ nguồn ngoại tệ tự có của cá nhân

1. Người cư trú là công dân Việt Nam có nhu cầu sử dụng ngoại tệ tự có để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng được phép, trừ trường hợp mang ngoại tệ tự cất giữ dưới mức phải khai báo hải quan theo quy định.

2. Người cư trú là công dân Việt Nam mang ngoại tệ tự có với mức phải khai báo hải quan ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 13. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài

1. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích học tập, chữa bệnh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP được căn cứ vào các chi phí tại thông báo của phía nước ngoài.

Trường hợp không có thông báo của nước ngoài về các chi phí sinh hoạt và các chi phí khác có liên quan đối với các mục đích học tập, chữa bệnh, ngoài tiền học phí, viện phí và các chi phí khác đã được phía nước ngoài thông báo, các ngân hàng được phép quyết định mức mua, chuyển, mang thêm ngoại tệ cho các mục đích trên theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này.

2. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích đi công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP do ngân hàng được phép quyết định trên cơ sở nhu cầu hợp lý của cá nhân và theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

3. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài cho mục đích trả các loại phí, lệ phí cho nước ngoài quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP được căn cứ vào các chi phí tại thông báo của phía nước ngoài.

4. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài cho mục đích trợ cấp thân nhân đang ở nước ngoài quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau:

a) Các ngân hàng được phép quyết định mức ngoại tệ mua, chuyển trên cơ sở nhu cầu hợp lý của cá nhân và phù hợp với mục đích hỗ trợ chi phí sinh hoạt, ổn định cuộc sống của người được trợ cấp ở nước ngoài;

b) Mức ngoại tệ mua, chuyển cho một người được hưởng trợ cấp ở nước ngoài trong một năm không vượt quá thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành của nước nơi người được trợ cấp đang sinh sống. Định kỳ hàng năm, ngân hàng được phép cập nhật số liệu về thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành của các nước được công bố tại thời điểm gần nhất trên trang tin điện tử của Ngân hàng Thế giới (World Bank) để làm cơ sở xác định mức ngoại tệ mua, chuyển cho mục đích trợ cấp thân nhân ở nước ngoài;

c) Việc mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích trợ cấp thân nhân không áp dụng đối với trường hợp thân nhân đang học tập, chữa bệnh, công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài.

5. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền thừa kế cho người hưởng thừa kế ở nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP căn cứ vào giá trị tài sản mà người hưởng thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật về thừa kế.

6. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền trong trường hợp định cư ở nước ngoài quy định tại điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP căn cứ vào giá trị tài sản của người đi định cư được hình thành tại Việt Nam trước khi nhập quốc tịch nước ngoài hoặc trước khi được phép cư trú ở nước ngoài cho mục đích định cư theo quy định của nước sở tại.

Trường hợp chuyển tiền để thanh toán các chi phí liên quan đến thủ tục xin định cư ở nước ngoài (không bao gồm giá trị đầu tư để được phép có quốc tịch hoặc được định cư ở nước ngoài), mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài được căn cứ vào các chi phí tại thông báo của phía nước ngoài.

Chương IV

THANH TOÁN, CHUYỂN TIỀN CHO CÁC GIAO DỊCH VĂNG LAI KHÁC CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 14. Thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch văng lai khác

1. Hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch văng lai khác của người cư trú là tổ chức và cá nhân bao gồm:

a) Các khoản thanh toán và chuyển tiền liên quan đến các hoạt động sau: tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh, đại lý mua, bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài và thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài, nhận gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài và đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định pháp luật về thương mại;

b) Thanh toán, chuyển tiền liên quan đến các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, các khoản chi trả bảo hiểm xã hội;

c) Thanh toán, chuyển tiền liên quan đến các khoản đóng phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, phụ trợ bảo hiểm theo điều ước quốc

tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc chi trả bồi thường, quyền lợi bảo hiểm;

d) Thanh toán, chuyển tiền theo quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc trọng tài; hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

đ) Thanh toán, chuyển tiền liên quan đến các khoản tiền phạt, bồi thường do làm hư hỏng tài sản, gây thương tích mà chưa được bảo hiểm chi trả.

2. Việc thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện thông qua các ngân hàng được phép.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất trước ngày 20 của tháng báo cáo, ngân hàng được phép báo cáo về tình hình mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là tổ chức cho mục đích chuyển tiền tài trợ, viện trợ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 của tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo. Báo cáo được gửi theo phương thức thư điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaongoaite@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Định kỳ hàng tháng, ngân hàng được phép báo cáo về tình hình mua, chuyển, mang ngoại tệ của người cư trú là công dân Việt Nam, tình hình mua, bán ngoại tệ tiền mặt với cá nhân theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 16. Trách nhiệm của ngân hàng được phép

1. Thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn khách hàng thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động chuyển tiền một chiều ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

a) Quy định về giấy tờ, chứng từ liên quan đến các giao dịch chuyển tiền nhằm đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Nguyên tắc xây dựng mức mua, chuyển, mang ngoại tệ cho các mục đích chuyển tiền một chiều;

c) Kiểm tra, giám sát số liệu mua, chuyển, mang ngoại tệ của tổ chức, cá nhân cho các mục đích chuyển tiền một chiều và giao dịch vãng lai khác trong cùng hệ thống ngân hàng mình để đảm bảo số tiền mua, chuyển, mang không vượt quá số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan, các mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài quy định tại Thông tư này;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có văn bản cam kết mua, chuyển, mang ngoại tệ phù hợp với các mức mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài quy định tại Thông tư này.

3. Kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan.

4. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ cho các mục đích chuyển tiền một chiều và hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức, cá nhân mua, chuyển, mang ngoại tệ và tổ chức, cá nhân thụ hưởng, trong đó bao gồm tối thiểu các thông tin sau đây:

a) Thông tin nhận biết khách hàng là tổ chức, cá nhân mua, chuyển, mang ngoại tệ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

b) Thông tin cần thiết về tổ chức, cá nhân thụ hưởng cho hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho mục đích chuyển tiền một chiều và các giao dịch vãng lai khác: Tên của tổ chức, cá nhân thụ hưởng, số tài khoản của tổ chức, cá nhân thụ hưởng, ngân hàng thụ hưởng (địa chỉ, quốc gia). Trường hợp không có số tài khoản của cá nhân thụ hưởng thì cung cấp số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng từ pháp lý có giá trị tương đương còn thời hạn sử dụng.

5. Ngân hàng được phép có quyền từ chối hoặc không thực hiện các giao dịch bán, chuyển hoặc cấp Giấy xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài nếu tổ chức, cá nhân không cung cấp đầy đủ và/hoặc chính xác thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan

1. Cung cấp đầy đủ các thông tin cho ngân hàng được phép theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã cung cấp cho ngân hàng được phép.

2. Xuất trình các giấy tờ, chứng từ khi mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài phục vụ cho các mục đích chuyển tiền một chiều của cá nhân và thanh toán, chuyển tiền đối với các giao dịch vãng lai khác theo quy định của ngân hàng được phép.

3. Xuất trình các giấy tờ, chứng từ chứng minh mục đích tài trợ, nguồn tài trợ, quyết định phê duyệt mức tài trợ của người đại diện hợp pháp của tổ chức, văn bản cam kết về tính hợp pháp của nguồn tiền và các giấy tờ, chứng từ khác theo quy định của ngân hàng được phép khi mua, chuyển, mang ngoại tệ cho mục đích chuyển tiền một chiều của tổ chức (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này).

4. Người cư trú là tổ chức chuyển tiền ra nước ngoài cho mục đích tài trợ, viện trợ từ nguồn tiền đóng góp tự nguyện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này có trách nhiệm xuất trình:

a) Văn bản về việc huy động, tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện để tài trợ, viện trợ, trong đó bao gồm các nội dung chính: Mục đích tài trợ, viện trợ; đối tượng hưởng tài trợ, viện trợ; thời điểm bắt đầu và kết thúc nhận tiền đóng góp tự nguyện; cách

thức tiếp nhận tiền đóng góp là chuyển khoản và/hoặc tiền mặt, đồng tiền đóng góp là đồng Việt Nam; thông tin tài khoản tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện;

b) Danh sách bao gồm tên, địa chỉ (nếu có) kèm theo số tiền của tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện;

c) Chứng từ chứng minh số tiền đã nhận được từ nguồn đóng góp tự nguyện;

d) Văn bản cam kết của tổ chức về việc tổ chức chỉ mở một tài khoản tại một ngân hàng được phép để tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện;

đ) Các giấy tờ, chứng từ khác theo quy định của ngân hàng được phép.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho ngân hàng được phép.

6. Không được sử dụng một bộ hồ sơ chứng từ để mua, chuyển, mang ngoại tệ vượt quá số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan, các mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài quy định tại Thông tư này tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép.

7. Sử dụng ngoại tệ tiền mặt mua tại ngân hàng được phép đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Không được mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

9. Người cư trú là tổ chức chuyển tiền ra nước ngoài cho mục đích tài trợ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư này chỉ được mua, chuyển ngoại tệ tại một ngân hàng được phép trong toàn bộ quá trình thực hiện tài trợ cho mỗi chương trình, quỹ, dự án.

10. Người cư trú là tổ chức, cá nhân khi thực hiện thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài để mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài ngoài có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Thông tư này, quy định về mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài và quy định có liên quan.

11. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

2. Bãi bỏ Thông tư số 20/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mua, bán ngoại tệ tiền mặt của cá nhân với tổ chức tín dụng được phép.

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 24/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, văn bản có quy định về chế độ báo cáo định kỳ.

4. Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 17 Thông tư số 02/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối như sau:

“b) Cá nhân là công dân Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt cho các mục đích học tập, chữa bệnh ở nước ngoài, đi công tác, du lịch và thăm viếng ở nước ngoài.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 15/2011/TT-NHNN ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh như sau:

“a) Tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận cho cá nhân (bao gồm cả cá nhân đại diện cho người cư trú là tổ chức) mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt cho các mục đích quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối (theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Thông tư này);”.

c) Bổ sung điểm i khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép như sau:

“i) Chi rút ngoại tệ tiền mặt để mang ra nước ngoài cho mục đích tài trợ, viện trợ theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.”.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng được phép, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ QLNH.

**K/T THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Phạm Thanh Hà

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC CHO MỤC ĐÍCH TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ RA NƯỚC NGOÀI

Tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

STT	Tên tổ chức chuyển tiền	Số tiền mua, chuyển, mang ra nước ngoài (Quy USD)	Mục đích mua, chuyển, mang phân loại theo quy định tại Điều 4 Thông tư	Nguồn tiền				Nước chuyển đến	Tổ chức, cá nhân nước ngoài nhận tiền tài trợ, viện trợ	Ngày thực hiện chuyển, mang ngoại tệ
				Từ ngân sách	Từ tổ chức viện trợ, tài trợ	Huy động, tiếp nhận từ các tổ chức, cá nhân trong nước	Tiếp nhận từ người không cư trú là tổ chức ở nước ngoài			
Tổng số										

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)